

# **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 35

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,84% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### BAN ĐIỀU HÀNH

#### Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021

#### Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Vinh Quang - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 2020.02/UQ-HĐQT ngày 1 tháng 5 năm 2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61343540/22721033-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samran Wijaya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.225.314.695.236</b>	<b>445.878.071.694</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>25.366.907.371</b>	<b>4.928.779.888</b>
111	1. Tiền		7.366.907.371	2.928.779.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	2.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>1.037.630.913.242</b>	<b>416.060.672.146</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.037.630.913.242	416.060.672.146
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>161.983.240.946</b>	<b>14.821.775.298</b>
131	1. Phải thu khách hàng		4.748.973.893	-
132	2. Trả trước cho người bán		71.527.500	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	100.822.393.130	9.587.841.629
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	56.340.346.423	5.233.933.669
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>333.633.677</b>	<b>10.066.844.362</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	32.324.800	38.055.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	11	301.308.877	28.788.831
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	10.000.000.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.806.915.953.616</b>	<b>573.041.142</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>27.209.537</b>	<b>-</b>
<b>221</b>	<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>27.209.537</b>	<b>-</b>
222	- Nguyên giá		30.797.000	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.587.463)	-
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.806.401.786.175</b>	<b>-</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	8	1.806.401.786.175	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>486.957.904</b>	<b>573.041.142</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	336.117.834	476.085.447
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	150.840.070	96.955.695
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.032.230.648.852</b>	<b>446.451.112.836</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.764.625.287.044</b>	<b>293.898.052.616</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.764.625.287.044</b>	<b>293.898.052.616</b>
311	1. Vay ngắn hạn	10	707.510.000.000	279.210.000.000
312	2. Phải trả người bán	11	88.641.574.326	96.847.467
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	25.375.087.830	2.730.335.943
315	4. Phải trả người lao động		6.008.875.486	2.472.186.151
316	5. Chi phí phải trả		208.016.177	70.000.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	1.936.253.338.921	8.943.595.976
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		628.394.304	375.087.079
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>267.605.361.808</b>	<b>152.553.060.220</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	120.308.382.392	8.466.435.508
	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15	18.785.196.794	15.574.842.090
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.032.230.648.852</b>	<b>446.451.112.836</b>

*Phạm Uyên Vy*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Nguyễn Thị Anh Tú*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



*Trần Vinh Quang*  
Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	<b>1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b>		<b>22.400.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
007	- Chứng khoán giao dịch		22.400.000.000	40.000.000.000
030	<b>2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>55.176.003.611</b>	<b>98.650.782.848</b>
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	24	55.176.003.611	98.650.782.848
040	<b>3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>2.315.538.961.715</b>	<b>808.018.676.664</b>
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	25	2.315.538.961.715	808.018.676.664
050	<b>4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>28.037.792.313</b>	<b>8.369.687.660</b>
051	<b>5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>75.097.377.891</b>	<b>7.782.284.565</b>
		26		
		27		

*Phạm Uyên Vy*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Nguyễn Thị Anh Tú*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		124.901.662.829	16.210.431.705
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	124.901.662.829	16.210.431.705
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	17	(15.950.770.486)	(8.276.699.452)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		108.950.892.343	7.933.732.253
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	18	108.349.144.103	7.508.829.506
22	6. Chi phí tài chính	19	(60.000.236.973)	(4.095.531.880)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(6.484.732.761)	(3.051.300.417)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		150.815.066.712	8.295.729.462
32	9. Chi phí khác		(627.579.462)	-
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		150.187.487.250	8.295.729.462
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.2	(28.631.878.437)	(1.298.446.458)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		121.555.608.813	6.997.283.004
	Trong đó:			
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ		118.345.254.109	6.702.440.914
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát		3.210.354.704	294.842.090
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	9.468	1.818

*Phạm Uyên Vy*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Bà Nguyễn Thị Anh Tú*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



*Ông Trần Vĩnh Quang*  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>150.187.487.250</b>	<b>8.295.729.462</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		3.587.463	-
05	2. Lãi từ hoạt động đầu tư	17	(108.349.144.103)	(7.508.829.506)
06	3. Chi phí lãi vay		20.773.237.913	3.871.237.191
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>62.615.168.523</b>	<b>4.658.137.147</b>
09	1. Tăng các khoản phải thu		(102.295.015.891)	(9.361.304.886)
11	2. Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.018.183.570.559	10.583.009.889
12	3. Giảm/(tăng) chi phí trả trước		91.813.969	(208.247.081)
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(16.653.084.097)	(3.636.241.094)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(8.761.675.609)	(677.841.492)
16	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(852.545.078.604)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.100.635.698.850</b>	<b>1.357.512.483</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(30.797.000)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.763.335.936.175)	(384.587.822.146)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		236.264.000.000	1.879.646.474
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(65.018.440.896)	(14.202.850.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.480.983.137	-
27	6. Lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		21.392.619.567	418.344.267
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.502.247.571.367)</b>	<b>(396.492.681.405)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	115.280.000.000
33	2. Tiền vay nhận được		1.616.323.500.000	593.765.000.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.188.023.500.000)	(314.555.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.250.000.000)	(3.750.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>422.050.000.000</b>	<b>390.740.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03-CTQ


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		20.438.127.483	(4.395.168.922)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	4.928.779.888	9.323.948.810
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	25.366.907.371	4.928.779.888



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
		Năm 2020		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2021	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	25.000.000.000	125.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	14.2	1.502.584.086	1.755.891.311	253.307.225	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.2	1.502.584.086	1.755.891.311	253.307.225	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	6.251.259.084	8.466.435.508	6.702.440.914	(4.487.264.490)	118.345.254.109	(6.503.307.225)	8.466.435.508	120.308.382.392
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15	-	15.574.842.090	15.574.842.090	-	3.210.354.704	-	15.574.842.090	18.785.196.794
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>34.256.427.256</b>	<b>152.553.060.220</b>	<b>122.783.897.454</b>	<b>(4.487.264.490)</b>	<b>121.555.608.813</b>	<b>(6.503.307.225)</b>	<b>152.553.060.220</b>	<b>267.605.361.808</b>

Trong năm, Công ty trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 253.307.225 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021. Ngoài ra, trong năm Công ty đã trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1805/2021/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2021 căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021 với tổng số tiền là 6.250.000.000 đồng.

*Samuel*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

*lll*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,84% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Công ty con**

Công ty sở hữu một công ty con là Công ty cổ phần Finsight dưới hình thức góp vốn với tổng số tiền là 84.800.000.000 đồng, tương đương với tỉ lệ sở hữu là 84,73%.

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 18 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Đầu tư**

*Đầu tư tài chính ngắn hạn*

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

*Đầu tư dài hạn khác*

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư*

Các chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

Chứng khoán khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".



## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.6 Lợi ích của nhân viên

#### *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 17%) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### 3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**3.8 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.9 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

##### *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

#### 3.10 Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)*

**Tài sản tài chính (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản đi vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**3.11 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt bằng VND	70.018.057	69.264.983
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	7.296.889.314	2.859.514.905
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	18.000.000.000	2.000.000.000
	<b>25.366.907.371</b>	<b>4.928.779.888</b>

## 5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>49.743.658.434</b>	<b>41.472.850.000</b>
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	24.957.658.434	-
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	24.786.000.000	16.160.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt	-	24.240.000.000
Công ty Cổ Phần Xếp Hạng Tín Nhiệm Thiên Minh	-	1.072.850.000
<b>Trái phiếu chưa niêm yết (i)</b>	<b>924.352.826.571</b>	<b>251.987.822.146</b>
<b>Chứng chỉ tiền gửi (ii)</b>	<b>62.791.428.237</b>	<b>122.600.000.000</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi (iii)</b>	<b>743.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>1.037.630.913.242</b>	<b>416.060.672.146</b>

(i) Bao gồm trong khoản mục này là trái phiếu của các tổ chức tín dụng ("TCTD"), trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó, trái phiếu của các TCTD có kỳ hạn 7 năm, lãi suất từ 6,13% đến 8,20%; trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ trên 1 đến 3 năm, lãi suất từ 9,50% đến 13%.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn từ 1 năm đến 5 năm và lãi suất từ 7,90% đến 9,70%.

(iii) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn 1 năm và lãi suất từ 7,00% đến 7,15%.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam hay Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

#### 6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư TVS	55.562.756.695	9.056.129.640
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	21.400.000.000	15.000.000
Phải thu phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt (TVGF2)	18.490.246.496	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư khác	-	235.237.523
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	260.570.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	5.369.389.939	20.904.000
	<b>100.822.393.130</b>	<b>9.587.841.629</b>

#### 6.2 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	47.144.795.171	5.211.397.669
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	9.195.551.252	-
Khác	-	22.536.000
	<b>56.340.346.423</b>	<b>5.233.933.669</b>

### 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	32.324.800	38.055.531
- Phí bảo hiểm xe	8.475.200	-
- Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	-	19.800.000
- Khác	23.849.600	18.255.531
Chi phí trả trước dài hạn	336.117.834	476.085.447
- Công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng	276.859.785	211.078.105
- Chi phí sửa chữa văn phòng	2.333.328	196.939.665
- Khác	56.924.721	68.067.677
	<b>368.442.634</b>	<b>514.140.978</b>

### 8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)</b>	<b>1.805.328.936.175</b>	-
Đầu tư trái phiếu TCTD	1.497.499.603.742	-
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	147.770.524.283	-
Chứng chỉ tiền gửi	60.058.808.150	-
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1.072.850.000</b>	-
	<b>1.806.401.786.175</b>	-

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

(\*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu của các tổ chức tín dụng ("TCTD"), trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các hợp đồng tiền gửi. Trong đó, trái phiếu của TCTD có kỳ hạn từ trên 1 đến 10 năm, lãi suất từ 6,35% đến 8,50%; trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ trên 1 đến 3 năm, lãi suất từ 10,00% đến 12,00%; chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn 2 năm và lãi suất từ 8,00% đến 8,10%; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn 3 năm và lãi suất từ 7,00% đến 8,20%. Nhóm Công ty có sử dụng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 250 tỷ đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## 9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc phí lưu ký	72.941.870	20.057.495
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc phí taxi	15.000.000	15.000.000
Khác	1.000.000	-
	<b>150.840.070</b>	<b>96.955.695</b>

## 10. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số tăng trong năm VND	Số giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>269.000.000.000</b>	<b>259.591.500.000</b>	<b>(278.641.500.000)</b>	<b>249.950.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.000.000.000	159.950.000.000	(160.000.000.000)	199.950.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	99.641.500.000	(99.641.500.000)	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	19.000.000.000	-	(19.000.000.000)	-
<b>Vay cá nhân</b>	<b>10.210.000.000</b>	<b>1.266.732.000.000</b>	<b>(819.382.000.000)</b>	<b>457.560.000.000</b>
	<b>279.210.000.000</b>	<b>1.526.323.500.000</b>	<b>(1.098.023.500.000)</b>	<b>707.510.000.000</b>

Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 5 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,60%/năm. Các khoản vay này đang được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kì hạn và trái phiếu của Công ty với tổng số tiền là 250.000.000.000 VND. Các khoản vay cá nhân ngắn hạn với lãi suất từ 6,316%/năm đến 8,00%/năm.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả TVS mua trái phiếu kinh doanh	80.290.147.400	-
Phí quản lý người dùng phải trả	8.351.426.926	-
Chi phí hoạt động - văn phòng	-	96.847.467
	<b>88.641.574.326</b>	<b>96.847.467</b>

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.298.446.458	28.631.878.437	(8.761.675.609)	21.168.649.286
Thuế thu nhập cá nhân	1.428.625.485	11.083.057.037	(8.315.926.978)	4.195.755.544
Thuế GTGT đầu ra	3.264.000	26.216.333	(18.797.333)	10.683.000
	<b>2.730.335.943</b>	<b>39.741.151.807</b>	<b>(17.096.399.920)</b>	<b>25.375.087.830</b>
	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số khấu trừ trong năm VND	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	28.788.831	867.834.388	(595.314.342)	301.308.877

## 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả hợp tác kinh doanh	1.931.888.231.499	8.648.599.879
Lãi dự chi phải trả	4.355.149.913	234.996.097
Phải trả khác	9.957.509	60.000.000
	<b>1.936.253.338.921</b>	<b>8.943.595.976</b>

## 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 14.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn góp cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.



## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 14.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	8.466.435.508	15.574.842.090	152.553.060.220
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	118.345.254.109	3.210.354.704	121.555.608.813
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(253.307.225)	-	(253.307.225)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(6.250.000.000)	-	(6.250.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>120.308.382.392</b>	<b>18.785.196.794</b>	<b>267.605.361.808</b>

Trong năm, Công ty trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 253.307.225 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021. Ngoài ra, trong năm Công ty đã trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1805/2021/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2021 căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021 với tổng số tiền là 6.250.000.000 đồng.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 15. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	15.574.842.090	-
Góp vốn trong năm	-	15.280.000.000
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	3.210.354.704	294.842.090
<b>Số cuối năm</b>	<b>18.785.196.794</b>	<b>15.574.842.090</b>

## 16. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	60.850.735.303	12.595.445.949
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	21.510.000.000	75.000.000
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	20.990.469.108	1.420.144.007
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	8.238.639.413	1.522.005.314
Phí phát hành chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	1.990.080.000	-
Phí dịch vụ hỗ trợ khách hàng mua trái phiếu	1.090.909.091	-
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	807.857.098	-
Doanh thu hoạt động khác	9.422.972.816	597.836.435
	<b>124.901.662.829</b>	<b>16.210.431.705</b>

## 17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	13.181.982.170	6.683.187.880
Chi phí thuê văn phòng	550.765.586	595.946.104
Chi phí đồ dùng văn phòng	306.110.896	467.278.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.633.492	146.895.428
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	1.758.278.342	380.391.585
	<b>15.950.770.486</b>	<b>8.276.699.452</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi trái phiếu đầu tư	45.217.442.409	3.185.752.283
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	42.547.512.497	1.829.646.474
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi	11.323.133.719	2.443.430.749
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.680.000.000	-
Lãi cho vay cá nhân	535.940.603	-
Khác	45.114.875	50.000.000
	<b><u>108.349.144.103</u></b>	<b><u>7.508.829.506</u></b>

## 19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư (Users-MM)	38.664.953.063	-
Lãi vay ngân hàng	12.351.768.452	3.006.753.421
Lãi vay cá nhân	8.421.469.461	864.483.770
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	369.500.000	-
Khác	192.545.997	224.294.689
	<b><u>60.000.236.973</u></b>	<b><u>4.095.531.880</u></b>

## 20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.171.787.088	2.302.278.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.238.280	406.107.422
Chi phí đồ dùng văn phòng	237.720.480	92.381.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.587.463	-
Thuế, phí và lệ phí	8.201.129	9.091.681
Chi phí khác	1.297.198.321	241.441.577
	<b><u>6.484.732.761</u></b>	<b><u>3.051.300.417</u></b>

## 21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm (2020: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 21.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 21.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	150.187.487.250	8.295.729.462
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	30.037.497.451	1.659.145.892
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ	49.675.292	195.777.619
<b>Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>30.087.172.743</b>	<b>1.854.923.511</b>
Chi phí thuế TNDN được giảm (*)	(1.467.876.645)	(556.477.053)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	12.582.339	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>28.631.878.437</b>	<b>1.298.446.458</b>

(\*) Căn cứ theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021. Trong năm, Công ty con của Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019. Tuy nhiên, không áp dụng tiêu chí doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019 đối với trường hợp người nộp thuế mới thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong kỳ tính thuế năm 2020, năm 2021.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Nhóm Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> <i>(trình bày lại)</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (VND)	118.345.254.109	6.702.440.914
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(253.307.225)
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)</b>	<b>118.345.254.109</b>	<b>6.449.133.689</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang (cổ phiếu)	12.500.000	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ (cổ phiếu)	-	3.547.945
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)</b>	<b>12.500.000</b>	<b>3.547.945</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	9.468	1.818

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý danh mục đầu tư	60.850.735.303	12.595.445.949
		Tặng tiền gửi ủy thác	2.137.691.947.986	836.678.167.484
		Giảm tiền gửi ủy thác	(2.182.491.268.353)	(748.773.424.341)
		Mua lại cổ phiếu TVGF2 từ TVS	-	(13.130.000.000)
		Chi cổ tức trong năm	(6.240.000.000)	(3.720.000.000)
		Phí lưu ký	(21.629.220)	(28.181.700)
		Phí môi giới mua bán	-	(90.606.750)
		Góp vốn thành lập Finsight	-	15.000.000.000
		Tặng vốn tại TVAM	-	100.000.000.000
		Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư
		Cổ tức được chia trong năm	4.800.000.000	-
		Lãi từ thanh lý đóng quỹ	12.761.085.800	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	20.990.469.108	1.420.144.007
		Cổ tức được chia trong năm	3.880.000.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	807.857.098	-
		Thu nhập phí phát hành chứng chỉ	1.990.080.000	-
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	4.173.866.666	2.345.969.353
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn	-	140.000.000
		Vay cá nhân	911.392.000.000	176.884.010.000
		Chi phí lãi vay	5.526.317.234	464.246.603
		Cho vay cá nhân	226.264.000.000	-
		Doanh thu lãi vay	535.940.603	-
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight	-	140.000.000

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp tục)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight	-	140.000.000
		Vay cá nhân	325.140.000.000	39.200.000.000
		Chi phí lãi vay	2.294.124.383	337.679.596

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	24.240.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	24.786.000.000	16.160.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	18.490.246.496	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý	55.562.756.695	9.056.129.640
		Phải trả phí mua trái phiếu tự doanh	80.290.147.400	-
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vay ngắn hạn	(256.930.000.000)	(9.910.000.000)
		Lãi vay phải trả	1.494.056.264	50.289.608
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	140.000.000	140.000.000
		Vay ngắn hạn	174.930.000.000	-
		Lãi vay phải trả	873.743.836	-

## 24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số đầu năm	98.650.782.848	10.159.902.758
Tăng trong năm	6.313.792.102.865	2.387.666.976.170
Giảm trong năm	(6.357.266.882.102)	(2.299.176.096.080)
<b>Số cuối năm</b>	<b>55.176.003.611</b>	<b>98.650.782.848</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 25. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch</b>	<b>389.935.422.205</b>	<b>355.522.753.055</b>
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
TCB	56.801.534.574	-
VNM	50.498.682.088	-
PVP	46.069.920.000	-
PLX	24.384.932.728	-
NVL	-	14.005.000.000
VJC	-	933.800
DMC	27.037.733	428.400
CTD	-	339.000
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>31.479.897.337</b>	-
<b>Chứng chỉ quỹ</b>	<b>714.374.355.358</b>	<b>159.589.135.873</b>
<i>Trong đó, các chứng chỉ quỹ bị suy giảm giá trị:</i>		
FUESSV30	28.165.139.404	-
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>10.000.000.000</b>	-
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>25.848.600.000</b>	-
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>1.143.899.739.237</b>	<b>292.906.787.736</b>
	<b>2.315.538.014.137</b>	<b>808.018.676.664</b>

## 26. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu cổ tức	1.047.305.600	1.462.147.190
Phải thu bán chứng khoán	2.181.283.655	3.199.871.600
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	-	3.707.668.870
Phải thu lãi tiền gửi	24.809.203.058	-
	<b>28.037.792.313</b>	<b>8.369.687.660</b>

## 27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	14.217.920.000	7.692.000.000
Phải trả phí quản lý danh mục	60.814.791.349	50.657.523
Phải trả phí khác	64.666.542	39.627.042
	<b>75.097.377.891</b>	<b>7.782.284.565</b>



**28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dưới 1 năm	936.637.147	1.272.950.700
Từ 1 đến 5 năm	441.810.250	936.637.147
	<b>1.378.447.397</b>	<b>2.209.587.847</b>

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**29.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vì các khoản tiền gửi của Nhóm Công ty có lãi suất cố định.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**29.2 *Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**29.3 *Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

## 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.366.907.371	18.000.000.000	-	-	25.366.907.371
Đầu tư ngắn hạn	1.036.887.913.242	743.000.000	-	-	1.037.630.913.242
Đầu tư dài hạn khác	-	-	1.806.401.786.175	-	1.806.401.786.175
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	100.822.393.130	-	-	100.822.393.130
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	-	61.089.320.316	-	61.089.320.316
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	150.840.070	150.840.070
	<b>1.044.254.820.613</b>	<b>119.565.393.130</b>	<b>61.089.320.316</b>	<b>1.806.552.626.245</b>	<b>3.031.462.160.304</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay ngắn hạn	-	-	707.510.000.000	-	707.510.000.000
Chi phí phải trả	-	208.016.177	-	-	208.016.177
Nợ phải trả tài chính khác	-	-	2.024.894.913.247	-	2.024.894.913.247
	-	<b>208.016.177</b>	<b>2.732.404.913.247</b>	-	<b>2.732.612.929.424</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.928.779.888	2.000.000.000	-	-	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	416.060.672.146	-	-	-	416.060.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	-	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	15.233.933.669	-	-	15.233.933.669
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	96.955.695	96.955.695
	<b>418.989.452.034</b>	<b>26.821.775.298</b>	-	<b>96.955.695</b>	<b>445.908.183.027</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay ngắn hạn	-	-	279.210.000.000	-	279.210.000.000
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	-	70.000.000
	-	<b>70.000.000</b>	<b>279.210.000.000</b>	-	<b>279.280.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

## 30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.366.907.371	4.928.779.888	25.366.907.371	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	1.037.630.913.242	416.060.672.146	2.596.932.906.520	428.380.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	100.822.393.130	9.587.841.629	100.822.393.130	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	61.089.320.316	15.317.714.524	61.089.320.316	15.317.714.524
Tài sản tài chính dài hạn khác	150.840.070	96.955.695	150.840.070	96.955.695
Đầu tư dài hạn khác	1.806.401.786.175	-	1.806.401.786.175	-
	<b>3.031.462.160.304</b>	<b>445.991.963.882</b>	<b>4.590.764.153.582</b>	<b>458.311.963.882</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay ngắn hạn	707.510.000.000	279.210.000.000	707.510.000.000	279.210.000.000
Chi phí phải trả	208.016.177	70.000.000	208.016.177	70.000.000
Nợ phải trả tài chính khác	2.024.894.913.247	-	2.024.894.913.247	-
	<b>2.732.612.929.424</b>	<b>279.280.000.000</b>	<b>2.732.612.929.424</b>	<b>279.280.000.000</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn niêm yết lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là ngày giao dịch cuối cùng trong năm. Đối với giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào tổ chức khác lấy theo giá ghi sổ.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 31. CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU PHÁT SINH TRONG NĂM

Trong năm Công ty thực hiện đăng ký thành lập quỹ đại chúng cho Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3 theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 35/GCN-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ là 199.008.000.000 VND, tương đương với 19.900.800 chứng chỉ quỹ. Công ty đã thực hiện đăng lý lưu ký chứng chỉ quỹ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng chỉ quỹ TVGF3 tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 10 năm 2021.

## 32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 6 tháng 01 năm 2022, Đại hội nhà đầu tư đã phê duyệt phương án giải thể Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Quỹ TVGF2) theo Nghị quyết số 0601/2022/NQ-DHNDT. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục hành chính cần thiết cho việc giải thể Quỹ theo yêu cầu của các quy định hiện hành.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022